CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP COMA 18

Ngày 30/06/2025	8,310 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.1%	**-7.6%**	**4.9%**

DT thuần
Q2/25
246
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 172| 231%
YoY: ▲ 195| 377%

LN thuần
Q2/25
71.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 67.2| 1482%
YoY: ▲ 65.8| 1106%

LN sau thuế
Q2/25
20.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.6| 391%
YoY: ▲ 18.7| 878%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
11.4%
YoY: +/-▲ 5.6%

ROE (TTM)
Q2/25
38.0%
YoY: +/-▲ 13.6%

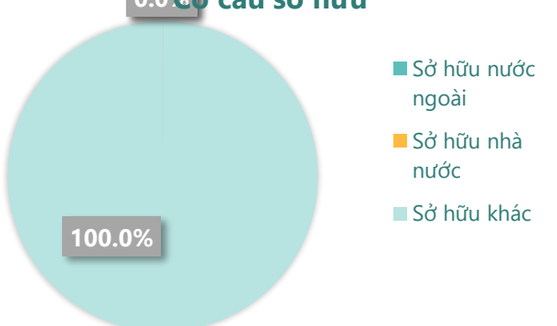
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,820 - 9,440
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	424
Số lượng CPLH (CP)	51,039,947
KLGD BQ 20 phiên (CP)	274,010
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.82
EPS	1,702
P/E	4.9

DT thuần
6T 2025
320
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 265| 476%

LN thuần
6T 2025
76.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 70.7| 1281%

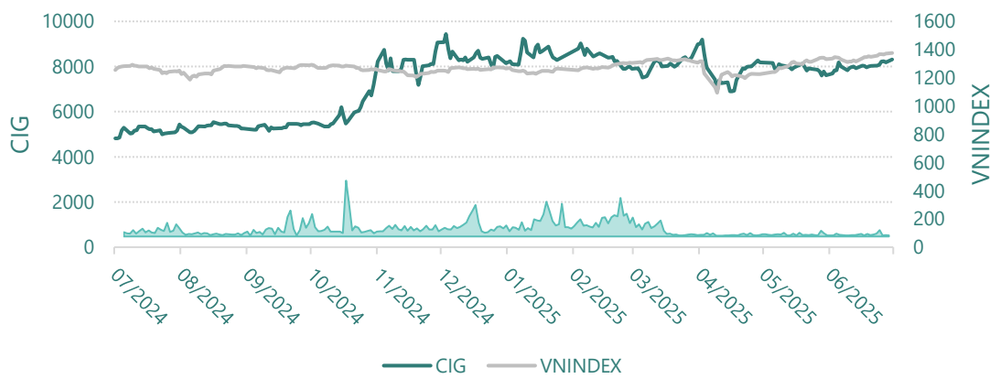
LN sau thuế
6T 2025
25.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.8| 1884%

Cơ cấu sở hữu

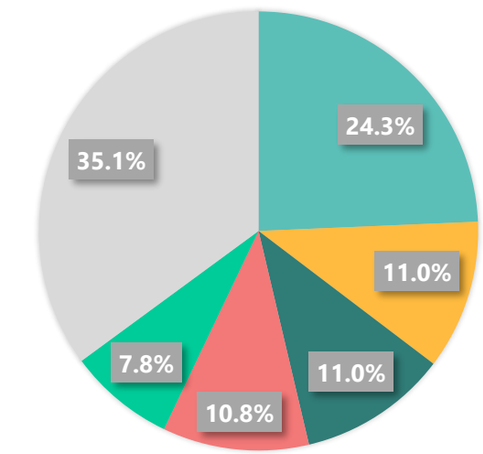


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



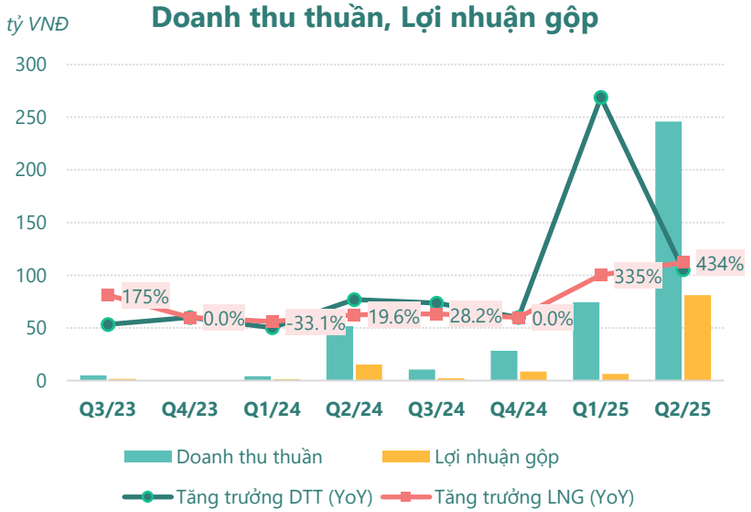
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

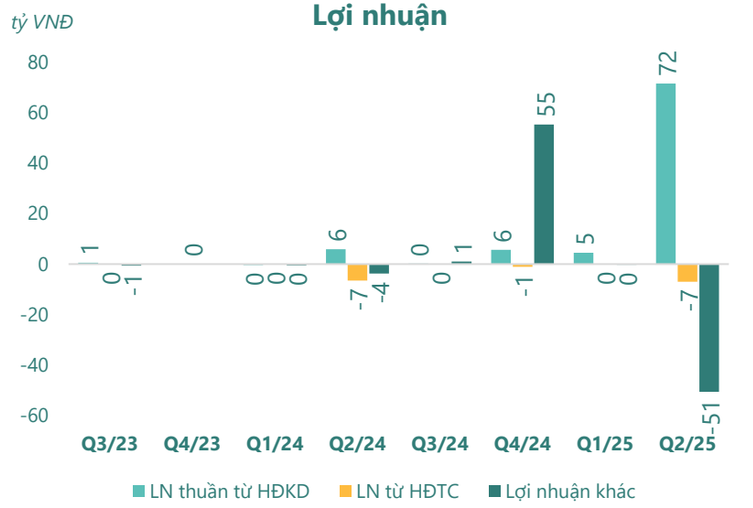
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



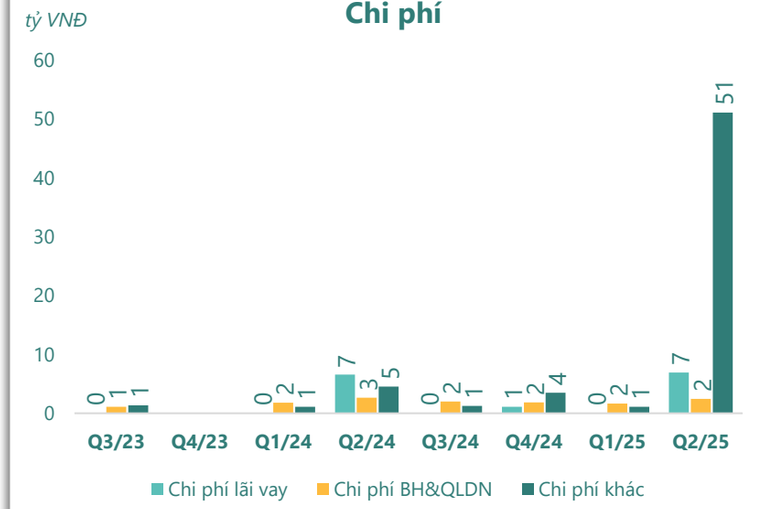
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



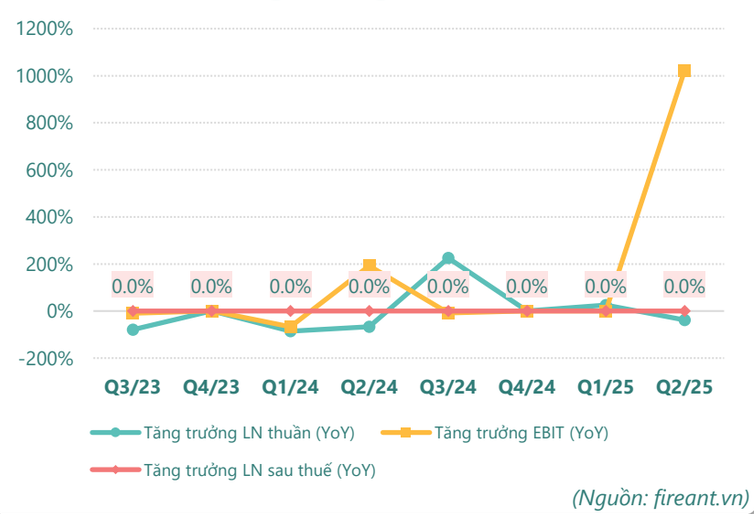
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



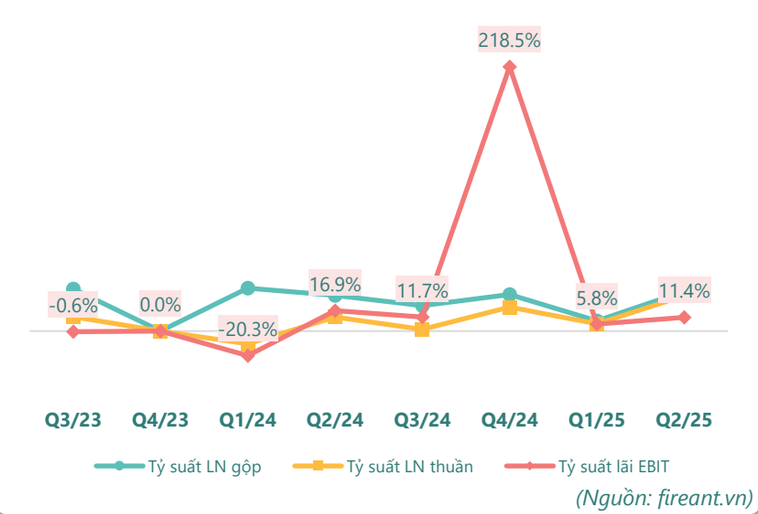
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



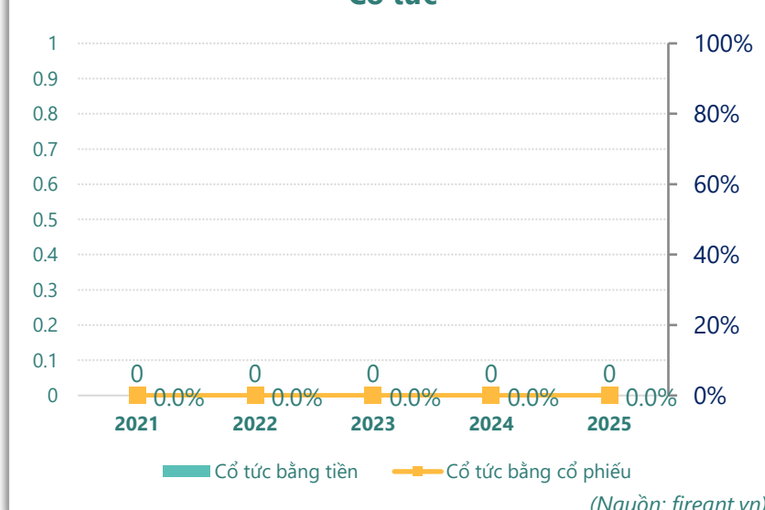
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

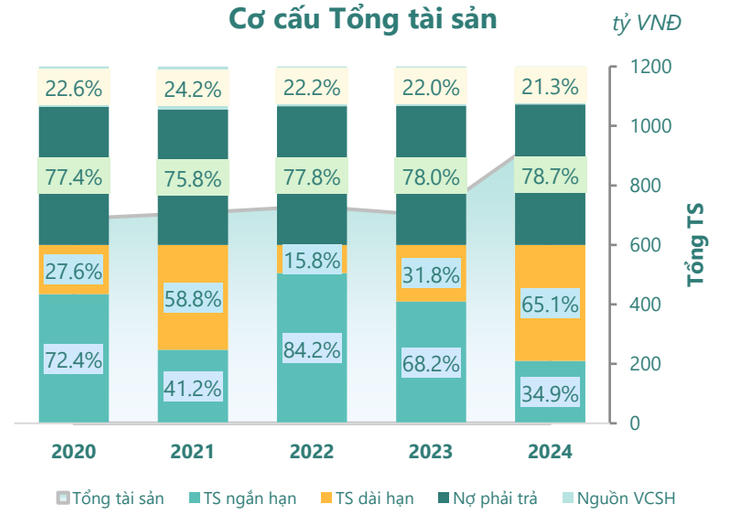
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

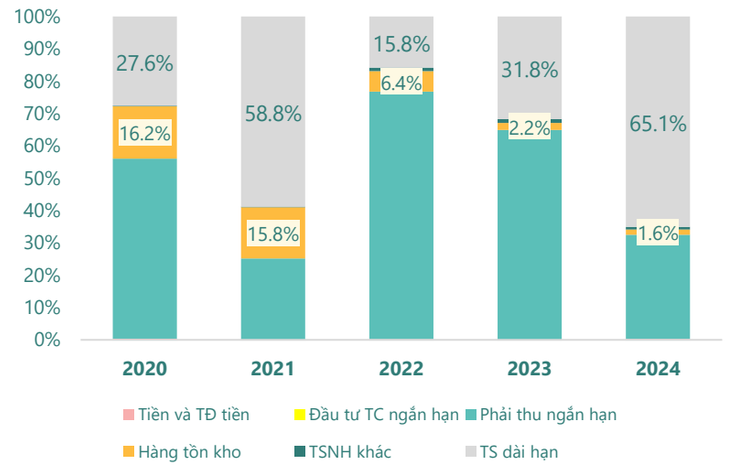
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



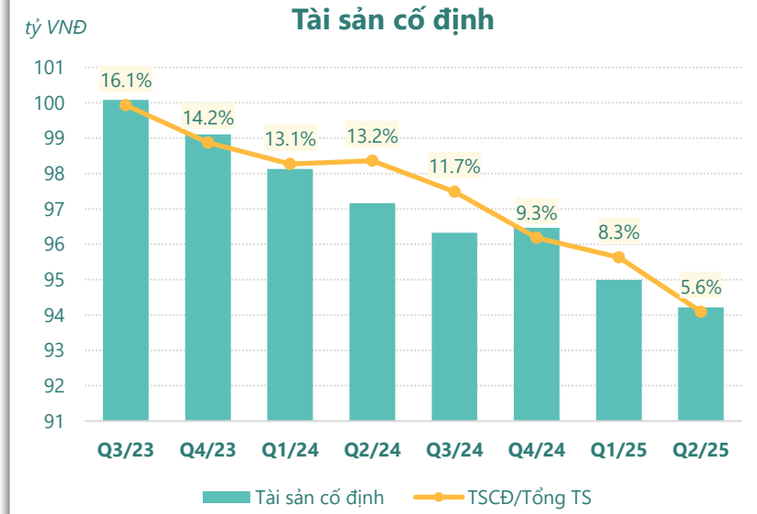
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



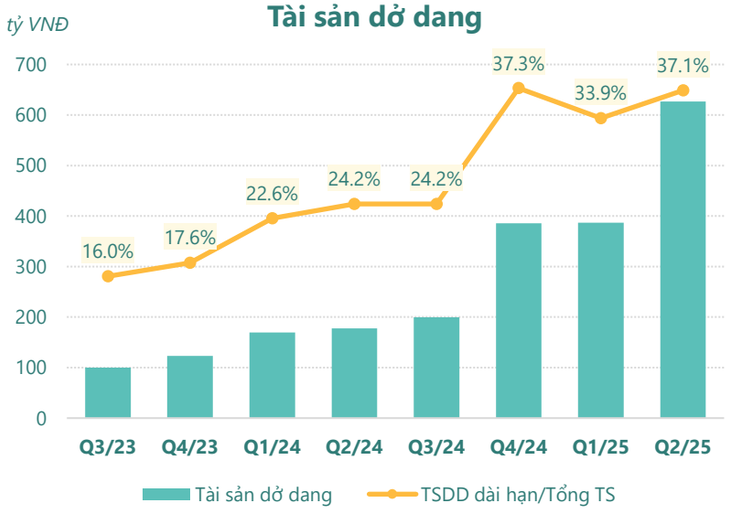
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



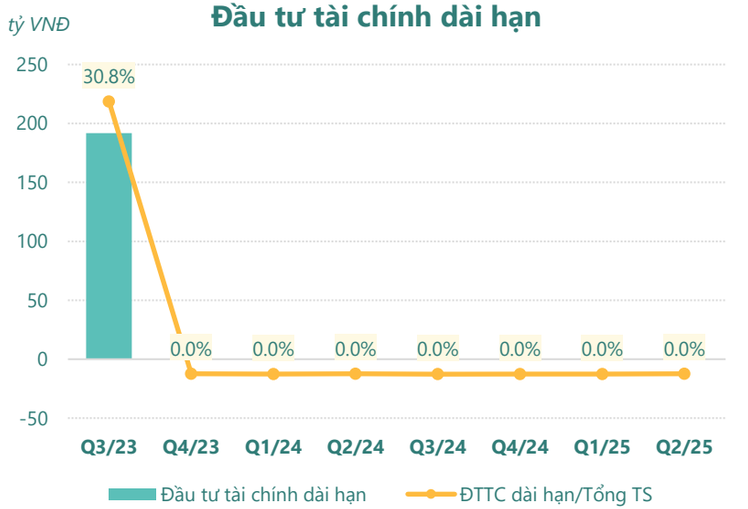
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



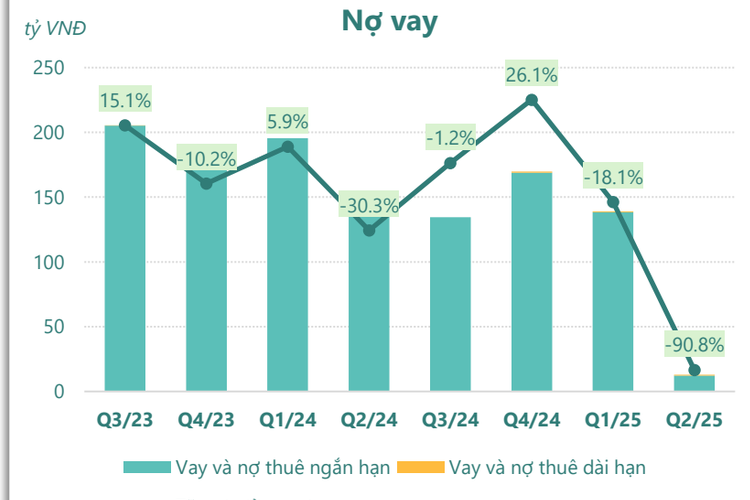
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

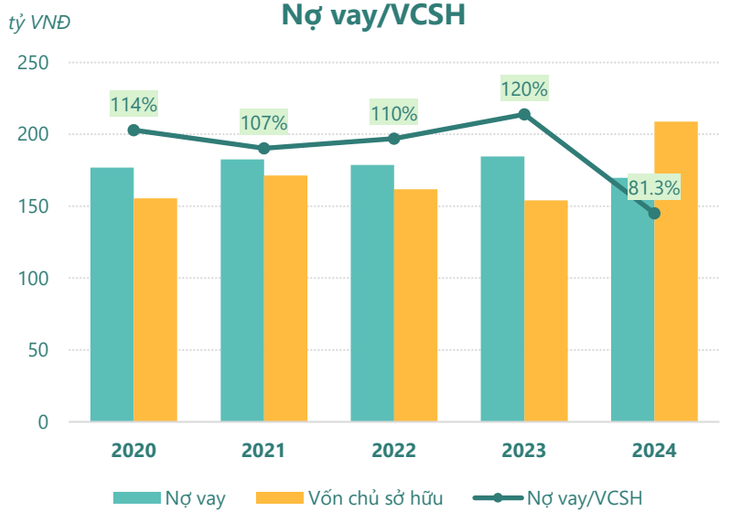
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

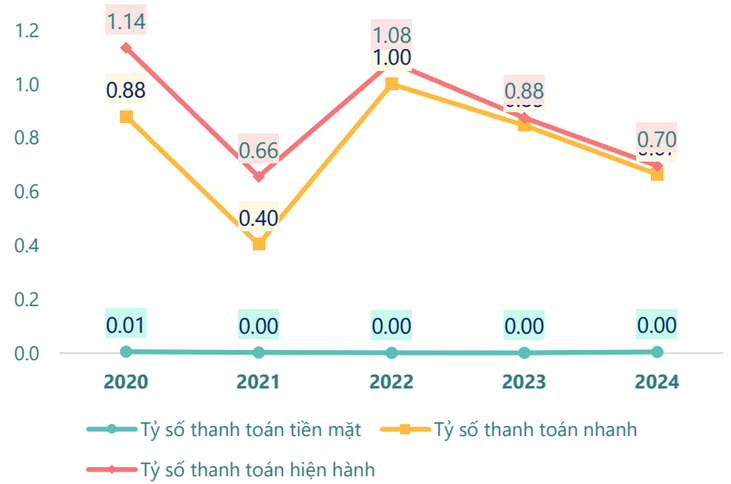
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



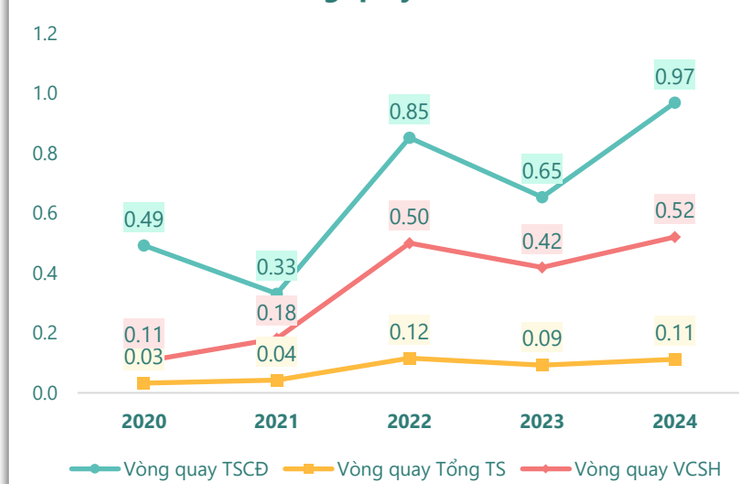
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



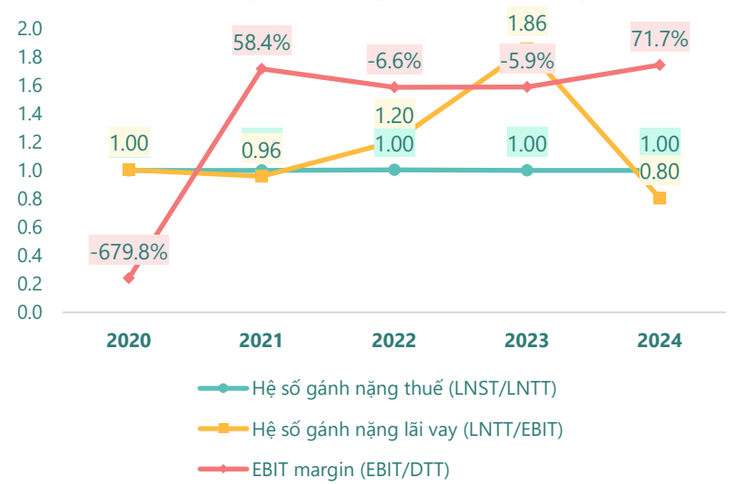
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



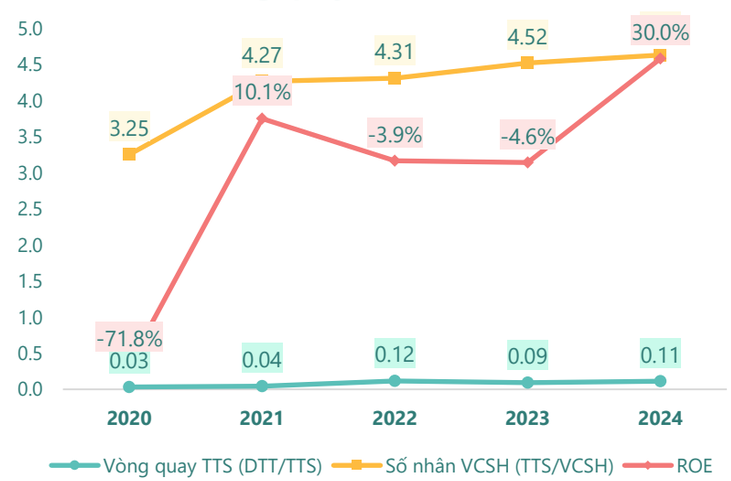
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



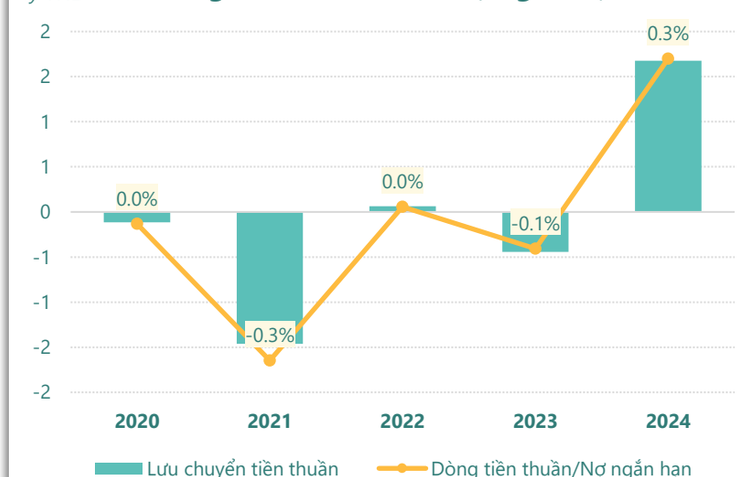
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**246**	**51.5**	**377%**	**320**	**55.5**	**476%**
Giá vốn hàng bán	165	36.3	354%	233	38.9	498%
Lợi nhuận gộp	81.1	15.2	433%	87.3	16.6	425%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00		0.02	0.00	2629%
Chi phí TC	6.98	6.57	6.3%	7.03	6.62	6.2%
Chi phí lãi vay	6.93	6.57	5.5%	6.98	6.62	5.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.08	0.22	-62.7%	0.12	0.22	-46.3%
Chi phí QLDN	**2.35**	**2.44**	**-3.5%**	**3.98**	**4.25**	**-6.5%**
LN thuần từ HĐKD	71.7	5.94	1106%	76.2	5.52	1281%
Lợi nhuận khác	**-50.7**	**-3.79**	**-1237%**	**-51.0**	**-4.23**	**-1104%**
LN trước thuế	21.0	2.15	876%	25.2	1.29	1862%
Lợi nhuận sau thuế	**20.8**	**2.13**	**878%**	**25.1**	**1.26**	**1884%**
LNST của CĐ cty mẹ	**20.5**	**2.20**	**834%**	**24.8**	**1.34**	**1755%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.1	63.6	-49.5	-35.4	-165	-46.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.26	-0.26	-0.06	0.01	192
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	12.1	-60.5	46.8	36.8	164	-126
Tiền đầu kỳ	0.54	0.47	3.84	0.81	2.21	0.75
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.07**	**3.37**	**-3.03**	**1.40**	**-1.46**	**19.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	0.47	3.84	0.81	2.21	0.75	20.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,692**	**982**	**72.2%**
Tài sản ngắn hạn	914	343	166%
Tiền và tương đương tiền	20.2	2.21	811%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	864	317	172%
Hàng tồn kho	21.1	15.5	36.7%
Tài sản ngắn hạn khác	8.72	8.26	5.7%
Tài sản dài hạn	**778**	**639**	**21.7%**
Phải thu dài hạn	56.5	158	-64.1%
Tài sản cố định	94.2	95.9	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	627	386	62.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.02**	**-36.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,391	774	79.8%
Nợ ngắn hạn	**282**	**493**	**-42.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.3	169	-92.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	39.2	90.9	-56.9%
Nợ dài hạn	1,109	281	295%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.52	0.59	-12.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**301**	**209**	**44.0%**
Vốn chủ sở hữu	**301**	**209**	**44.0%**
Vốn điều lệ	510	315	61.8%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)